

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

HUYỆN KRÔNG BÔNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28/02/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Minh: Phó chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện
- Bà H’ Rin Niê: Trưởng phòng dân tộc huyện

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2019/TLST–HNGĐ ngày 09/12/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1995 (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Đồng trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành C chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Chung sống với nhau được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi nhau, không thể hòa hợp, không có sự quan tâm và chăm sóc nhau. Chị T và anh C không chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể níu kéo để duy trì hạnh phúc gia đình được nữa nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, chị và anh Nguyễn Thành C có 01 người con chung là Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 12/02/2014. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng giao con chung cho anh Nguyễn Thành C trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2019, anh Nguyễn Thành C trình bày: anh và chị Trần Thị T chung sống với nhau từ tháng 03 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Chung sống được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau. Hiện nay chị T làm đơn xin ly hôn, bản thân anh là một người cha, anh không muốn con phải sống thiếu tình thương của cha và mẹ, do đó anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 12/02/2014. Hiện nay, cháu Nguyễn Thị Thủy T đang sống cùng anh, trường hợp phải ly hôn, anh Nguyễn Thành C đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thủy T. Anh không yêu cầu chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí : Chị Trần Thị T tự nguyện chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại biên bản xác minh ngày 06/01/2020, Tổ trưởng tổ dân phố A, thị trấn KK, KB, Đắk Lắk nơi chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành C cư trú cho biết: Hai vợ chồng chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành C không còn chung sống với nhau từ khoảng cuối năm 2018 đến nay.

Tại phiên toà:

Chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là muốn được ly hôn với anh Nguyễn Thành C vì vợ chồng không thể hoà hợp để duy trì hạnh phúc gia đình.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thành C có 01 người con chung là Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 12/02/2014. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh Nguyễn Thành C trực tiếp nuôi dưỡng

- Về tài sản chung: Chị không đề nghị Toà án giải quyết

- Về án phí : Chị Trần Thị T tự nguyện chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của các đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự có địa chỉ thường trú tại Tổ dân phố A, thị trấn KK, huyện KB, Đắk Lắk . Do vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Toà án đã triệu tập anh Nguyễn Thành C đến tham dự phiên toà. Tuy nhiên, anh Nguyễn Thành C đã không đến tham dự phiên toà. Việc anh C không đến tham dự phiên toà, vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ là không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành C chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2014 đến nay, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau, chị T và anh C đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ khoảng cuối năm 2018 đến nay, chị T và anh C không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù, anh C không muốn ly hôn nhưng chị Trần Thị T quyết tâm ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện chung sống với nhau để cùng vun đắp hạnh phúc, cùng lo lắng và có trách nhiệm với nhau nhưng giữa chị T và anh C không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mục đích hôn nhân không thành. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T.

- Về con chung: Chị T và anh C có 01 người con chung là Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 12/02/2014. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao con chung cho anh Nguyễn Thành C trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, con chung là Nguyễn Thị Thủy T đang ở với anh Nguyễn Thành C và anh Nguyễn Thành C cũng muốn được trực tiếp nuôi con khi vợ chồng ly hôn. Do vậy, cần giao con chung là Nguyễn Thị Thủy T cho anh Nguyễn Thành C trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Cả hai không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy không đặt ra để giải quyết.
- Về tài sản chung: Cả hai không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy không đặt ra để giải quyết.
- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Việc chị Trần Thị T tự nguyện nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Thành C.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành C chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 12/02/2014 cho anh Phạm Thành C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục .

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Trong quá trình anh C nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích

của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T chịu trách nhiệm nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí mà chị Trần Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông, Đắk Lắk theo biên lai số 0005978 ngày 05/12/2019.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn là mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn (vắng mặt) tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông;
- THADS huyện Krông Bông;
- UBND TT KK;
- Dương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Huế